|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC NINH** | **ĐỀ ÔN TẬP SỐ 1****KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT** **NĂM HỌC 2022 - 2023** |
|  | **Môn: Địa lí****Thời gian làm bài: 50 phút** |

\* Giáo viên ra đề: Dương Thị Thu Hằng

Đơn vị công tác: Trường THPT Ngô Gia Tự

\* Giáo viên thẩm định: Nguyễn Thị Dung

Đơn vị công tác:Trường THPT Thuận Thành 2

**Câu 41:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG SẮN CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ THÁI LAN, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** |
| In-đô-nê-xi-a | 22906,1 | 19045,6 | 17486,9 | 17716,0 |
| Thái Lan | 32357,7 | 30935,5 | 28999,1 | 30863,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi sản lượng sắn năm 2020 so với năm 2015 của In-đô-nê-xi-a và Thái Lan?

**A.** Thái Lan giảm nhanh hơn In-đô-nê-xi-a. **B.** In-đô-nê-xi-a giảm nhanh hơn Thái Lan.

**C.** Thái Lan và In-đô-nê-xi-a đều tăng. **D.** In-đô-nê-xi-a giảm, Thái Lan tăng.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết địa điểm nào sau đây có mưa lớn nhất từ tháng XI - IV năm sau?

**A.** Lũng Cú. **B.** Huế. **C.** A Pa Chải. **D.** Hà Nội.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy thủy điện Bản Vẽ nằm trên sông nào sau đây?

**A.** Sông Cả. **B.** Sông Hồng. **C.** Sông Đà. **D.** Sông Gâm.

**Câu 44:** Sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi ở nước ta?

**A.** Thịt hộp. **B.** Rượu, bia. **C.** Gạo, ngô **D.** Nước mắm.

**Câu 45:** Cho biểu đồ:



DÂN SỐ CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM NĂM 2016 VÀ 2020

*(Nguồn số liệu theo Niên giám thông kê Việt Nam 2020, NXB Thông kê, 2021)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của Thái Lan và Việt Nam?

1. Số dân của Thái Lan luôn nhiều hơn Việt Nam. **B.** Số dân của Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam.

**C**.Số dân của Việt Nam tăng nhiều hơn Thái Lan. **D.** Số dân của Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có quy mô lớn nhất?

**A.** Cần Thơ. **B.** Mỹ Tho. **C.** TP. Hồ Chí Minh. **D.** Long Xuyên.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Long An. **B.** Bình Phước **C.** Tây Ninh. **D.** Bình Dương.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hồ Dầu Tiếng nằm trên sông nào ở nước ta?

**A.** Sông Sài Gòn. **B.** Sông Cả. **C.** Sông Xê Xan. **D.** Sông Hồng.

**Câu 49:** Khu vực nào sau đây ở nước ta có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất?

**A.** Dọc Duyên hải miền Trung. **B.** Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận.

**C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 50:** Tài nguyên khoáng sản nổi bật của vùng Đông Nam Bộ là

1. cao lanh, đá vôi. **C.** đất sét, đá vôi.

**B.** bô xít, dầu. **D.** dầu, khí đốt.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Đông Tác thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Khánh Hòa. **B.** Phú Yên. **C.** Bình Định. **D.** Quảng Ngãi.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết tỉnh nào sau đây trồng nhiều cà phê và hồ tiêu?

**A.** Quảng Trị. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Quảng Bình. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ nào sau đây nối Hà Nội với Sơn La?

**A.** Quốc lộ 5. **B.** Quốc lộ 2. **C.** Quốc lộ 3. **D.** Quốc lộ 6.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch biển nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Huế?

**A.** Mũi Né. **B.** Thuận An. **C.** Sa Huỳnh. **D.** Thiên Cầm.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành đóng tàu?

**A.** Thái Nguyên. **B.** Việt Trì. **C.** Hải Phòng. **D.** Bắc Ninh.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp từ 40 đến 120 nghìn tỉ đồng?

**A.** Đà Nẵng. **B.** Biên Hòa. **C.** Cà Mau. **D.** Cần Thơ.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết thành phố nào sau đây **không** phải là thành phố trực thuộc Trung ương?

**A.** Cần Thơ. **B.** Huế. **C.** Đà Nẵng. **D.** Hải Phòng.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây nằm trên đường biên giới của 3 quốc gia Việt Nam, Lào, Campuchia?

**A.** Kon Tum. **B.** Điện Biên. **C.** An Giang. **D.** Lai Châu.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng vòng cung?

**A.**Hoàng Liên Sơn. **C.** Bắc Sơn.

**B.** Pu Đen Đinh. **D.** Pu Sam Sao.

**Câu 60:** Biện pháp sử dụng có hiệu quả đất trồng ở đồng bằng nước ta là

**A.** đào hốvẩy cá. **B.** đẩy mạnh thâm canh.

**C.** làm ruộng bậc thang. **D.** trồng cây theo băng.

**Câu 61:** Vùng đồi trung du nước ta là nơi thường có

1. nhiễm mặn đất. **C.** sóng thần.

**B.** sạt lở bờ biển. **D.** xói mòn đất.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có tỷ lệ diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực thấp nhất vùng Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Bắc Ninh. **B.** Vĩnh Phúc. **C.** Hải Dương. **D.** Hà Nam.

**Câu 63:** Chăn nuôi lợn tập trung nhiều ở các đồng bằng lớn của nước ta chủ yếu là do

**A.** thị trường tiêu thụ lớn, lao động có kinh nghiệm.

**B.** lao động có kinh nghiệm, dịch vụ thú y đảm bảo.

**C.** dịch vụ thú y đảm bảo, nguồn thức ăn phong phú.

**D.** nguồn thức ăn phong phú, thị trường tiêu thụ lớn.

**Câu 64:** Cơ sở chủ yếu để nước ta đẩy mạnh phát triển ngành khai thác hải sản xa bờ là

1. tàu thuyền được trang bị ngày càng tốt hơn. **B.** nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm.

**C.**vùng biển rộng, có nhiều bãi cá, bãi tôm. **D.** mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc.

**Câu 65:** Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế ở nước ta hiện nay nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Đẩy mạnh phát triển kinh tế, tăng cường hội nhập quốc tế.

**B.** Giải quyết triệt để tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm.

**C.** Nhanh chóng đưa nước ta trở thành nền công nghiệp mới.

**D.** Tăng cường khai thác, phát huy thế mạnh ở mỗi khu vực.

**Câu 66:** Việc phát triển nghề thủ công truyền thống ở khu vực nông thôn hiện nay góp phần quan trọng nhất vào

**A.** thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa. **B.** đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**C.** thay đổi phân bố dân cư trong vùng. **D.** giải quyết sức ép về vấn đề việc làm.

**Câu 67:** Dọc bờ biển nước ta có nhiều vụng biển rộng, kín gió thuận lợi cho việc

**A.** phát triển du lịch biển đảo. **B.** khai thác khoáng sản.

**C.** xây dựng các cảng nước sâu. **D.** khai thác hải sản.

**Câu 68:** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi

**A.** vị trí trong vùng nội chí tuyến. **B.** địa hình nhiều đồi núi.

**C.** địa hình thấp dần ra biển. **D.** hoạt động của gió phơn Tây Nam.

**Câu 69:** Tác động lớn nhất của quá trình đô thị hóa tới sự phát triển kinh tế nước ta là

**A.** làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế. **B.** tạo việc làm cho người lao động.

**C.** tăng thu nhập cho người dân. **D.** gây sức ép đến môi trường đô thị.

**Câu 70:** Trở ngại chính đối với việc xây dựng và khai thác ngành giao thông vận tải đường bộ nước ta là

**A.** khí hậu và thời tiết thất thường. **B.** phần lớn lãnh thổ có địa hình đồi núi.

**C.** mạng lưới sông ngòi dày đặc. **D.** thiếu vốn và cán bộ kỹ thuật cao.

**Câu 71:** Biện pháp chủ yếu để tăng giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.**  chú trọng thủy lợi, cải tạo đất đai.

**B.** phát triển vùng chuyên canh; tăng đầu tư.

**C.** tăng diện tích và mở rộng xuất khẩu.

**D.** Gắn với công nghiệp chế biến; tạo thương hiệu sản phẩm.

**Câu 72:** Nhân tố nào sau đây có vai trò chủ yếu giúp ngoại thương nước ta phát triển mạnh trong thời gian qua?

**A**. Đa dạng hóa thị trường, tăng cường sự quản lý của Nhà nước.

**B**. Tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.

**C**. Khai thác hiệu quả tài nguyên, nâng cao chất lượng sản phẩm.

**D**. Nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về giá trị xuất khẩu của Việt Nam, Ma-lai-xi-a giai đoạn 2015-2021:



*(Nguồn số liệu theo Niên giám thông kê Việt Nam 2021, NXB Thông kê, 2022)*

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào?

**A.** Sự chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

**B**. Cơ cấu giá trị xuất khẩu của Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

**C.** Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

**D.** Quy mô giá trị xuất khẩu của Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

**Câu 74:** Biện pháp chủ yếu để tăng diện tích rừng tự nhiên ở Tây Nguyên là

**A.** khai thác hợp lí, phòng chống cháy rừng. **B.** đẩy mạnh khoanh nuôi, trồng rừng mới.

**C.** giao đất, giao rừng cho dân, bảo vệ rừng. **D.** ngăn chặn nạn phá rừng, đốt cây làm rẫy.

**Câu 75:** Dịch vụ hàng hải ở Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển mạnh trong thời gian gần đây chủ yếu do

**A.** bờ biển dài, nhiều vịnh biển sâu, gần các tuyến hàng hải quốc tế.

**B.** các tỉnh đều giáp biển, đô thị lớn ở ven biển, hạ tầng hoàn thiện.

**C.** kinh tế phát triển, mức sống cải thiện, hội nhập quốc tế sâu rộng.

**D.** công nghiệp phát triển, lao động đông đảo, thu hút nhiều vốn đầu tư.

**Câu 76:** Hiện tượng xâm nhập mặn hiện nay diễn ra ngày càng trầm trọng ở đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do

**A.** nước biển dâng, không có đê ngăn mặn. **B.** mùa khô sâu sắc, tác động mạnh của thủy triều.

**C.** địa hình đồng bằng thấp, mùa lũ đến muộn. **D.** biến đổi khí hậu, rừng ngập mặn suy giảm.

**Câu 77:** Ngành công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh chủ yếu là do

**A.** thu hút lao động từ vùng khác, dân đông. **B.** giáp nhiều vùng kinh tế, lao động đông.

**C.**  lao động lành nghề, cơ sở hạ tầng hoàn thiện. **D.** lao động đông, hệ thống sân bay hiện đại.

**Câu 78:** Giải pháp chủ yếu thúc đẩy sự phát triển các khu kinh tế ven biển ở Bắc Trung Bộ là

**A.** hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, mở rộng thị trường, tăng cường xuất khẩu.

**B.** thu hút đầu tư, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo nguồn lao động.

**C.** phát triển nguyên liệu, khai thác hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường.

**D.** đảm bảo năng lượng, mở rộng diện tích, tạo thêm nhiều sản phẩm mới.

**Câu 79:** Chế độ mưa trên các vùng lãnh thổ nước ta có sự phân hóa phức tạp theo không gian, thời gian chủ yếu do

**A.** Tín phong bán cầu Bắc, hoạt động của gió mùa, vị trí địa lí và địa hình.

**B.** gió mùa Tây Nam, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, vị trí địa lí.

**C.** gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí và địa hình núi.

**D.** gió tây nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.

**Câu 80.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  | **2015** | **2017** | **2018** | **2019** | **2021** |
| Đồng bằng sông Hồng | 1110,9 | 1071,4 | 1040,8 | 1012,3 | 953,4 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 4301,5 | 4185,3 | 4107,5 | 4068,9 | 3893,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Theo bảng số liệu, để so sánh tổng diện tích lúa của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2015-2021, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.**Cột. **B.** Tròn. **C.** Miền. **D.** Đường

----------- HẾT ----------

Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.